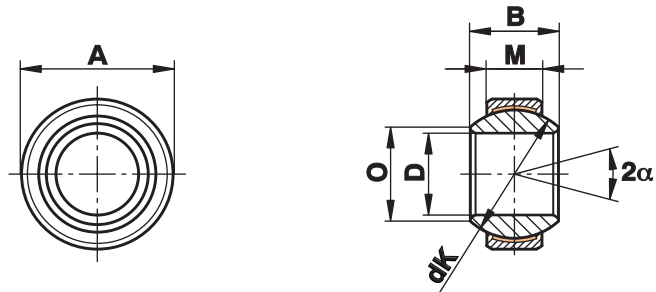


Bạc cầu Series G - Không cần bảo trì

Series GE...FW (-2RS)

Bạc cầu series G loại
DIN ISO 12240-1.
Kết hợp mạ crom/PTFE,
không cần bảo trì

Góc xoay lớn hơn do
vòng bi rộng hơn



Kích cỡ (D)	B	M	A	O	dK	Tải trọng tĩnh C ₀ kN	Tải trọng tĩnh C ₀ kN -2RS	Tải trọng động CkN	Tải trọng động CkN -2RS	Góc xoay tối đa Angle α (°)	Trọng lượng(g)
4 ⁰ _{-0,008}	7	4	14 ⁰ _{-0,008}	7,1	10,0	9,1	-	3,6	-	20	5
5 ⁰ _{-0,008}	9	5	16 ⁰ _{-0,008}	9,3	13,0	14,0	-	5,8	-	21	8
6 ⁰ _{-0,008}	9	5	16 ⁰ _{-0,008}	9,3	13,0	14,0	-	5,8	-	21	9
8 ⁰ _{-0,008}	11	6	19 ⁰ _{-0,009}	11,6	16,0	21,0	-	8,6	-	21	14
10 ⁰ _{-0,008}	12	7	22 ⁰ _{-0,009}	13,4	18,0	28,0	-	11,0	-	18	21
12 ⁰ _{-0,008}	15	9	26 ⁰ _{-0,009}	16,0	22,0	45,0	-	18,0	-	18	33
15 ⁰ _{-0,008}	16	10	30 ⁰ _{-0,009}	19,2	25,0	56,0	75,0	22,0	32,0	16	49
17 ⁰ _{-0,008}	20	12	35 ⁰ _{-0,011}	21,0	29,0	78,0	104,0	31,0	45,0	19	83
20 ⁰ _{-0,010}	25	16	42 ⁰ _{-0,011}	25,2	35,5	127,0	204,0	51,0	85,0	17	153
25 ⁰ _{-0,010}	28	18	47 ⁰ _{-0,011}	29,5	40,7	166,0	263,0	65,0	110,0	17	203
30 ⁰ _{-0,010}	32	20	55 ⁰ _{-0,013}	34,4	47,0	211,0	338,0	84,0	140,0	17	304
35 ⁰ _{-0,012}	35	22	62 ⁰ _{-0,013}	39,7	53,0	262,0	419,0	104,0	175,0	16	408
40 ⁰ _{-0,012}	40	25	68 ⁰ _{-0,013}	44,7	60,0	337,0	540,0	135,0	225,0	17	542
45 ⁰ _{-0,012}	43	28	75 ⁰ _{-0,013}	50,0	66,0	415,0	665,0	166,0	275,0	15	713
50 ⁰ _{-0,012}	56	36	90 ⁰ _{-0,015}	57,1	80,0	-	1030,0	-	430,0	17	1420
60 ⁰ _{-0,015}	63	40	105 ⁰ _{-0,015}	67,0	92,0	-	1320,0	-	550,0	17	2090
70 ⁰ _{-0,015}	70	45	120 ⁰ _{-0,015}	78,2	105,0	-	1700,0	-	705,0	16	3010
80 ⁰ _{-0,015}	75	50	130 ⁰ _{-0,018}	87,1	115,0	-	2070,0	-	860,0	14	3610
90 ⁰ _{-0,020}	85	55	150 ⁰ _{-0,018}	98,3	130,0	-	2570,0	-	1070,0	15	5500
100 ⁰ _{-0,020}	85	55	160 ⁰ _{-0,025}	111,2	140,0	-	2770,0	-	1150,0	14	6040
110 ⁰ _{-0,020}	100	70	180 ⁰ _{-0,025}	124,8	160,0	-	4030,0	-	1680,0	12	9740
120 ⁰ _{-0,020}	115	70	210 ⁰ _{-0,030}	138,4	180,0	-	4530,0	-	1890,0	16	15100
140 ¹⁾ _{-0,025}	130	80	230 ⁰ _{-0,030}	151,9	200,0	-	5760,0	-	2400,0	16	18900
160 ¹⁾ _{-0,025}	135	80	260 ⁰ _{-0,035}	180,0	225,0	-	6480,0	-	2700,0	16	24800
180 ¹⁾ _{-0,025}	155	100	290 ⁰ _{-0,035}	196,1	250,0	-	9000,0	-	3750,0	14	35900
200 ¹⁾ _{-0,030}	165	100	320 ⁰ _{-0,040}	220,0	275,0	-	9900,0	-	4120,0	15	44900
220 ¹⁾ _{-0,030}	175	100	340 ⁰ _{-0,040}	243,6	300,0	-	10800,0	-	4500,0	16	50900
240 ¹⁾ _{-0,030}	190	110	370 ⁰ _{-0,040}	263,6	325,0	-	12870,0	-	5360,0	15	65300
260 ¹⁾ _{-0,035}	205	120	400 ⁰ _{-0,040}	283,6	350,0	-	15120,0	-	6300,0	15	82000
280 ¹⁾ _{-0,035}	210	120	430 ⁰ _{-0,045}	310,6	375,0	-	16200,0	-	6750,0	15	96600

Chất liệu:

Lõi: Thép chịu lực với lớp lót PTFE kết nối với bề mặt bên trong
từ kích cỡ 15 có loại có phốt làm kín (-2RS)
từ kích cỡ 35 chỉ có loại có phốt làm kín(-2RS)

Vòng bi: Thép chịu lực 100Cr6, Aisi 52100, cứng, sơn nền, đánh bóng, mạ crom trên bề mặt

1) từ kích cỡ 120 lõi cứng có 2 phần và có định bằng lò xo